TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06 /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 10-03-2022
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Thu
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Quách Đình Hoằng
2. Bà Tô Thị Lành

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hải - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thắng Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 03 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 528/2021/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2021 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Xuân Q, sinh năm 1986
Địa chỉ: 107 Nguyễn Trung T, tổ 3, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. *Bị đơn*: Anh Bùi Văn S, sinh năm 1984
Địa chỉ: 107 Nguyễn Trung T, tổ 3, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 10 năm 2021, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Xuân Q trình bày:

Chị và anh Bùi Văn S tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai vào ngày 28/8/2008. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng vợ chồng chị không hàn gắn được, đã sống ly thân từ năm 2020

đến nay. Hiện nay không ai còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau, vợ chồng không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc nên không thể kéo dài cuộc sống chung với nhau được, do vậy chị Q yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn S.

Về con chung: Chị và anh Bùi Văn S có 02 con chung là cháu Bùi Nguyễn Kiều N, sinh ngày 30/7/2008 và cháu Bùi Nguyễn Tấn T, sinh ngày 05/8/2014. Ly hôn chị yêu cầu Tòa án giao cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con thành niên và tự lập được; về cấp dưỡng nuôi con: chị xin rút về phần cấp dưỡng nuôi con để chị và anh S tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết giải quyết trong vụ án này.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Bùi Văn S mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, nhiều lần Tòa án thông báo đến hòa giải, triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, nên đã không trình bày được quan điểm của anh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Xuân Q được ly hôn với anh Bùi Văn S và giao con chung là cháu Bùi Nguyễn Kiều N, sinh ngày 30/7/2008 và cháu Bùi Nguyễn Tấn T, sinh ngày 05/8/2014 cho chị Nguyễn Thị Xuân Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu thành niên và tự lập được; về cấp dưỡng và tài sản chung và nợ chung: chị Q không yêu cầu nên không giải quyết. Chị Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Xuân Q yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con với anh Bùi Văn S, sinh năm 1987, trú tại: 107 Nguyễn Trung T, tổ 3, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

[2] Bị đơn anh Bùi Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Q và anh S tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn hôn nhân theo chị Q trình bày sau khi kết hôn được 4 năm thì giữa chị và anh S đã bất

đồng quan điểm, thường xuyên cải vã, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng vợ chồng vẫn mâu thuẫn gay gắt, đã sống ly thân năm 2020 cho đến nay. Qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh chị cư trú thì anh S và chị Q không yêu cầu chính quyền địa phương hòa giải nên chính quyền địa phương không biết mâu thuẫn của vợ chồng anh chị. Bị đơn anh S mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến để tham gia hòa giải, phiên tòa nhưng anh S không đến, thể hiện thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến việc tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng với chị Q. Hội đồng xét xử xét thấy chị Q và anh S đã không còn chung sống với nhau, không ai quan tâm lo lắng, chăm sóc cho nhau, tình trạng hôn nhân giữa chị Q và anh S như vậy là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Q theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về việc nuôi con: chị Q và anh S có 02 con chung là cháu Bùi Nguyễn Kiều N, sinh ngày 30/7/2008 và cháu Bùi Nguyễn Tấn T, sinh ngày 05/8/2014, hiện 02 cháu đang sống cùng chị Q; cháu N và cháu T đều có nguyện vọng ở với chị Q. Xét thấy chị Q đang trong độ tuổi lao động, có công việc ổn định, đảm bảo đủ điều kiện để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung của chị và anh S. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Q, giao con chung cho chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu thành niên và tự lập được là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Xuân Q, cụ thể như sau:

1. *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Xuân Q ly hôn với anh Bùi Văn S.

2. *Về việc nuôi con*: Giao cho chị Nguyễn Thị Xuân Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Bùi Nguyễn Kiều N, sinh ngày 30/7/2008 và cháu Bùi Nguyễn Tấn T, sinh ngày 05/8/2014 cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Xuân Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000820 ngày 05 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P. Chị Nguyễn Thị Xuân Q đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố P;
- Chi cục THADS thành phố P;
- UBND phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Thu